

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-7-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN-TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Dương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Giữ

Ông Hồ Trung Hậu

-Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hưng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân không tham gia phiên tòa

Ngày 17 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Nguyễn Thanh N, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Tr, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Ph, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 02, ấp T, xã Th, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2019 và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Nguyễn Thanh N trình bày:

Anh Lê Nguyễn Thanh N và chị Lê Thị Ph cưới nhau vào năm 2008. Hôn nhân do đôi bên tự tìm hiểu quen biết nhau trước, sau đó được sự chấp thuận của gia đình hai bên, anh chị có tiến hành tổ chức hôn lễ theo phong tục tại địa phương. Anh chị có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/6/2009.

Nữ trang khi cưới vợ chồng đã bán tiêu xài hết trong thời gian còn sống chung, hiện nay không còn.

Sau khi cưới vợ chồng anh chị về sống tại ấp T, xã Th, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm. Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung: trong thời gian chung sống với nhau vợ chồng anh chị không có tạo ra được tài sản chung nào.

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ ai.

Mâu thuẫn phát sinh là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, hay gây gổ với nhau. Anh chị ly thân từ tháng 07/2012 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu cho ly hôn với chị Lê Thị P

Về con chung: không có

Về quan hệ tài sản: không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau, thường hay cự cãi, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn. Anh và chị P ly thân từ 07/2012. Anh không còn tình cảm cũng như không muốn chung sống với chị P, vì vậy anh xin ly hôn chị Lê Thị P, nếu tòa không giải quyết cho anh ly hôn với chị P thì anh cũng không thể nào về chung sống với chị P được nữa. Về con chung không có. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Tân đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Lê Thị P, để chị Lê Thị P đến Tòa án tham gia tố tụng, nhưng chị P không có ý kiến gì gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của anh N về việc yêu cầu được ly hôn với chị P; về con chung không có; về tài sản chung, nợ chung anh N xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chị P có nơi cư trú tại huyện Bình Tân, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa vắng mặt chị Lê Thị P không vì sự kiện bất khả kháng dù đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Nguyễn Thanh N và chị Lê Thị P là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, anh N và chị P đã ly thân từ tháng 07/2012 đến nay.

Xét cuộc sống gia đình giữa anh N và chị P không hạnh phúc, anh chị không dung hòa được tình cảm vợ chồng, không hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Anh N không còn mong muốn cùng chị P xây dựng một gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Với những mâu thuẫn vợ chồng như anh đã trình bày tại phiên tòa nếu kéo dài thêm cuộc sống hôn nhân sẽ càng thêm trầm trọng thêm sự ức chế hai bên, mục đích hôn nhân không đạt được và cuộc hôn nhân này không thể kéo dài.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Nguyễn Thanh N, cho anh N được ly hôn với chị Lê Thị P

Về con chung: Không có

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp nên hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân sơ thẩm: anh N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Nguyễn Thanh N được ly hôn với anh chị Lê Thị P

- Về con chung: không có

- Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm:

Buộc anh Lê Nguyễn Thanh N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0015357 ngày 06/3/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, nên anh N không phải nộp thêm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh VL;
- VKSND huyện Bình tân;
- THADS huyện Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Ánh Dương